TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 01 - 2018
Về việc: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thế Vỹ

- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Tá
2. Ông Đinh Văn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hiên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2017, về: "Ly hôn giữa bà T và ông H" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm: 1973
Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh Kim H, Sinh năm: 1972
Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày: Bà T và ông Huỳnh Kim H tự nguyện chung sống với nhau và được UBND phường C cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 14, quyển số: 1/2003, ngày 22/3/2004. Trong quá trình chung sống, thời gian sống chung giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, về trách

nhiệm hôn nhân gia đình, ông H là người thiếu gương mẫu, mâu thuẫn không hòa giải được, cuộc sống tinh thần của bà T rơi vào bế tắc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên không thể hàn gắn được.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn ông Huỳnh Kim H.

Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là: Huỳnh Thị I, Sinh ngày: 02/12/1998; Huỳnh Thị U, Sinh ngày: 17/9/2001.

Bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu U và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Huỳnh Thị I đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Kim H trình bày: Về quá trình tìm hiểu, đi đến kết hôn đúng như bà T đã trình bày. Tuy nhiên nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bà T có quan hệ với người đàn ông khác, ông H đã bắt được và có khuyên nhủ bà T. Từ đó bà T nghe theo lời xúi giục của người khác nên đã làm đơn xin ly hôn với ông. Nay ông H vẫn còn thương yêu vợ con nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt tại phiên hòa giải.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T; về con chung: Cháu Huỳnh Thị U, sinh năm: 2001 có nguyện vọng được ở với bà T. Do đó, yêu cầu của bà T là có cơ sở phù hợp với Điều 81,82,83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, về nợ chung: Không có. Bà T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà T và ông H số: 14, quyển số: 1/2003, ngày 22/3/2004 của UBND phường C.

Giấy khai sinh mang tên Huỳnh Thị I; Huỳnh Thị U.

Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, Huỳnh Kim H.

Sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị T.

Biên bản xác minh ngày 04/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Kim H. Yêu cầu của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Kim H tự nguyện chung sống với nhau và được UBND phường C cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 14, quyển số: 1/2003, ngày 22/3/2004. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu được ly hôn ông H vì cuộc sống chung giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông H là người thiếu gương mẫu, mâu thuẫn không hòa giải được, cuộc sống tinh thần của bà T rơi vào bế tắc không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Tại biên bản xác minh ngày 04/12/2017, chính quyền địa phương cho biết: "Trong quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng bà T, ông H không có yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nên chính quyền không biết được mâu thuẫn giữa bà T, ông H". Mặc dù chính quyền địa phương chưa phải can thiệp, hòa giải. Nhưng tại phiên tòa, ông H thừa nhận bà T có quan hệ với người khác được ông bắt gặp và có khuyên nhủ đối với bà T. Tuy nhiên, ông H không có thiện chí trong việc hòa giải khi Tòa án gửi thông báo cho ông H, đồng thời bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn đối với ông H. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn ông H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là: Huỳnh Thị I, Sinh ngày: 02/12/1998; Huỳnh Thị U, Sinh ngày: 17/9/2001.

Hiện nay cháu I đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định, bà T không yêu cầu nên không xét. Riêng cháu U, bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Việc giao con chung cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, cháu U là nữ và có nguyện vọng được chung sống với bà T. Do đó, yêu cầu của bà T là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu U, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] V*ề cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà T nên ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về án phí*: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Huỳnh Kim H.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu: Huỳnh Thị U, Sinh ngày: 17/9/2001.

Riêng cháu Huỳnh Thị I đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Huỳnh Kim H cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0012000 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R. Bà T đã nộp đủ.

5. Bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Kim H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố R
- Chi cục THADS thành phố R
- Các đương sự
- UBND phường C
- Lưu hồ sơ, án văn

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thế Vỹ